

Số: 4016/TB-CT

An Giang, ngày 17 tháng 11 năm 2021

THÔNG BÁO

Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định một số điều của Luật Quản lý thuế

Ngày 29/9/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 80/2021/TT-BTC về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế. Nhằm hỗ trợ cho cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh và cá nhân (gọi chung là người nộp thuế) trên địa bàn kịp thời cập nhật thông tin và thực hiện đúng pháp luật về thuế, Cục Thuế tỉnh An Giang lưu ý một số nội dung như sau:

1. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng Thông tư này bao gồm: người nộp thuế; cơ quan thuế; công chức thuế; cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan theo quy định tại Điều 2 Luật Quản lý thuế.

Người nộp thuế bao gồm:

- Tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.
- Tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân nộp các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước (NSNN).
- Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế.

2. Đồng tiền kê khai và nộp thuế bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi

- Một số trường hợp được kê khai và nộp thuế bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi gồm: hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí (thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp); tiền lãi, tiền hoa hồng,... từ các hoạt động thương mại dầu, khí; phí, lệ phí và các khoản thu khác do các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu; phí, lệ phí do các cơ quan, tổ chức tại Việt Nam được phép thu phí, lệ phí bằng ngoại tệ; hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác của nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam,...

- Tỷ giá giao dịch thực tế được thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán.

3. Khai thuế, tính thuế, phân bổ và nộp thuế

3.1. Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

3.1.1. Phân bổ nghĩa vụ thuế

a) Các trường hợp được phân bổ nghĩa vụ thuế: hoạt động kinh doanh xổ số điện toán; hoạt động chuyển nhượng bất động sản; hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về hệ thống ngành kinh tế quốc dân và quy định của pháp luật chuyên ngành; đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất.

b) Phương pháp phân bổ:

- Phân bổ thuế GTGT phải nộp đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán:

+ Số thuế GTGT phải nộp cho từng tỉnh nơi có hoạt động kinh doanh xổ số điện toán bằng (=) số thuế GTGT phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số điện toán nhân (x) với tỷ lệ (%) doanh thu bán vé thực tế từ hoạt động kinh doanh xổ số điện toán tại từng tỉnh trên tổng doanh thu bán vé thực tế của người nộp thuế.

+ Doanh thu bán vé thực tế từ hoạt động kinh doanh xổ số điện toán được xác định như sau: trường hợp phương thức phân phối vé xổ số điện toán thông qua thiết bị đầu cuối trong địa giới hành chính từng tỉnh theo hợp đồng đại lý xổ số hoặc các cửa hàng, điểm bán vé do người nộp thuế thiết lập trên địa bàn; trường hợp phương thức phân phối vé xổ số điện toán thông qua điện thoại và internet thì doanh thu được xác định tại từng tỉnh nơi khách hàng đăng ký tham gia dự thưởng.

- Phân bổ thuế GTGT phải nộp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản là số thuế GTGT phải nộp cho từng tỉnh của hoạt động chuyển nhượng bất động sản bằng (=) doanh thu chưa có thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại từng tỉnh nhân (x) với 1%.

- Phân bổ thuế GTGT phải nộp đối với hoạt động xây dựng:

+ Số thuế GTGT phải nộp cho từng tỉnh của hoạt động xây dựng bằng (=) doanh thu chưa có thuế GTGT đối với hoạt động xây dựng tại từng tỉnh nhân (x) với 1%.

+ Doanh thu chưa có thuế GTGT được xác định theo hợp đồng đối với các công trình, hạng mục công trình xây dựng. Trường hợp công trình, hạng mục công trình xây dựng liên quan tới nhiều tỉnh mà không xác định được doanh thu của công trình tại từng tỉnh thì sau khi xác định tỷ lệ 1% trên doanh thu của công trình, hạng mục công trình xây dựng, người nộp thuế căn cứ vào tỷ lệ (%) giá trị đầu tư của công trình tại từng tỉnh trên tổng giá trị đầu tư để xác định số thuế GTGT phải nộp cho từng tỉnh.

- Phân bổ số thuế GTGT phải nộp cho tỉnh nơi đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất:

+ Số thuế GTGT phải nộp cho tỉnh nơi có cơ sở sản xuất bằng (=) doanh thu theo giá chưa có thuế GTGT nhân (x) với 2% (đối với hàng hoá chịu thuế suất thuế GTGT 10%) hoặc 1% (đối với hàng hoá chịu thuế suất thuế GTGT 5%) với

điều kiện tổng số thuế GTGT phải nộp cho các tỉnh nơi có cơ sở sản xuất không được vượt quá số thuế GTGT phải nộp của người nộp thuế tại trụ sở chính. Trường hợp cơ sở sản xuất điều chuyển thành phẩm hoặc bán thành phẩm cho đơn vị khác trong nội bộ để bán ra thì doanh thu của sản phẩm sản xuất ra được xác định trên cơ sở giá thành sản xuất sản phẩm.

+ Trường hợp người nộp thuế tính để khai, nộp theo tỷ lệ % từng tỉnh mà tổng số thuế GTGT phải nộp cho các tỉnh nơi có cơ sở sản xuất lớn hơn tổng số thuế GTGT phải nộp của người nộp thuế tại trụ sở chính thì người nộp thuế phân bổ số thuế phải nộp cho các tỉnh nơi có cơ sở sản xuất theo công thức sau: số thuế GTGT phải nộp cho từng tỉnh nơi có cơ sở sản xuất bằng (=) số thuế GTGT phải nộp của người nộp thuế tại trụ sở chính nhân (x) với tỷ lệ (%) doanh thu theo giá chưa có thuế GTGT của sản phẩm sản xuất ra tại từng tỉnh trên tổng doanh thu theo giá chưa có thuế GTGT của sản phẩm sản xuất ra của người nộp thuế.

+ Doanh thu dùng để xác định tỷ lệ phân bổ theo quy định nêu trên là doanh thu thực tế phát sinh của kỳ tính thuế. Trường hợp khai bổ sung làm thay đổi doanh thu thực tế phát sinh thì người nộp thuế phải xác định và phân bổ lại số thuế phải nộp của từng kỳ tính thuế có sai sót đã kê khai bổ sung để xác định số thuế GTGT chênh lệch chưa phân bổ hoặc phân bổ thừa cho từng địa phương.

3.1.2. Khai thuế, nộp thuế

- Đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán: người nộp thuế thực hiện khai thuế GTGT tập trung cho hoạt động kinh doanh xổ số điện toán trên toàn quốc và nộp hồ sơ khai thuế theo Mẫu số 01/GTGT, Phụ lục bảng phân bổ số thuế GTGT phải nộp cho các địa phương đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán theo Mẫu số 01-3/GTGT cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp và nộp số tiền thuế phân bổ cho từng tỉnh nơi có hoạt động kinh doanh xổ số điện toán.

- Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản:

+ Người nộp thuế thực hiện khai thuế GTGT và nộp hồ sơ khai thuế GTGT với cơ quan thuế tại tỉnh nơi có bất động sản chuyển nhượng theo Mẫu số 05/GTGT và nộp tiền thuế đã kê khai vào NSNN tại tỉnh nơi có bất động sản chuyển nhượng.

+ Người nộp thuế phải tổng hợp doanh thu chưa có thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản vào hồ sơ khai thuế tại trụ sở chính để xác định số thuế phải nộp cho toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh tại trụ sở chính. Số thuế GTGT đã nộp tại tỉnh nơi có bất động sản chuyển nhượng được bù trừ với số thuế GTGT phải nộp tại trụ sở chính.

- Đối với hoạt động xây dựng:

+ Người nộp thuế là nhà thầu xây dựng, ký hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư để thi công công trình xây dựng tại tỉnh khác với nơi có trụ sở chính của người nộp thuế, bao gồm cả công trình, hạng mục công trình xây dựng liên quan tới nhiều tỉnh thì người nộp thuế thực hiện khai thuế GTGT theo Mẫu số 05/GTGT; nộp tiền thuế đã kê khai vào NSNN tại tỉnh nơi có công trình xây dựng. Trường

hợp Kho bạc Nhà nước đã thực hiện khấu trừ thì người nộp thuế không phải nộp tiền vào NSNN tương ứng với số tiền thuế Kho bạc Nhà nước đã khấu trừ.

+ Người nộp thuế phải tổng hợp doanh thu chưa có thuế GTGT đối với hoạt động xây dựng vào hồ sơ khai thuế tại trụ sở chính để xác định số thuế phải nộp cho toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh tại trụ sở chính. Số thuế GTGT đã nộp tại tỉnh nơi có công trình xây dựng được bù trừ với số thuế GTGT phải nộp tại trụ sở chính.

+ Kho bạc Nhà nước thực hiện khấu trừ tiền thuế GTGT của các nhà thầu khi thực hiện thủ tục thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản của NSNN cho chủ đầu tư.

- Đối với đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất:

+ Người nộp thuế thực hiện khai thuế GTGT tập trung cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất và nộp hồ sơ khai thuế theo Mẫu số 01/GTGT, Phụ lục bảng phân bổ thuế GTGT phải nộp cho địa phương nơi được hưởng nguồn thu theo Mẫu số 01-6/GTGT và nộp số tiền thuế phân bổ cho từng tỉnh nơi có cơ sở sản xuất.

+ Đối với đơn vị phụ thuộc trực tiếp bán hàng, sử dụng hoá đơn do đơn vị phụ thuộc đăng ký hoặc do người nộp thuế đăng ký với cơ quan thuế quản lý đơn vị phụ thuộc, theo dõi hạch toán đầy đủ thuế GTGT đầu ra, đầu vào thì đơn vị phụ thuộc khai thuế, nộp thuế GTGT cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của đơn vị phụ thuộc.

3.2. Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB)

3.2.1. Phân bổ nghĩa vụ thuế

- Trường hợp được phân bổ nghĩa vụ thuế: hoạt động kinh doanh xổ số điện toán.

- Phương pháp phân bổ: số thuế TTĐB phải nộp cho từng tỉnh nơi có hoạt động kinh doanh xổ số điện toán bằng (=) số thuế TTĐB phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số điện toán nhân (x) với tỷ lệ (%) doanh thu bán vé thực tế từ hoạt động kinh doanh xổ số điện toán tại từng tỉnh trên doanh thu bán vé thực tế của người nộp thuế.

3.2.2. Khai thuế, nộp thuế

Người nộp thuế thực hiện khai thuế TTĐB chung cho toàn bộ hoạt động kinh doanh xổ số điện toán trên toàn quốc và nộp hồ sơ khai thuế theo Mẫu số 01/TTĐB, hàng hóa nhập khẩu (nếu có) theo Mẫu số 01-2/TTĐB; phải nộp cho các địa phương nơi được hưởng nguồn thu đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán theo Mẫu số 01-3/TTĐB cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp và nộp số tiền thuế phân bổ cho tỉnh nơi có hoạt động kinh doanh xổ số điện toán.

3.3. Thuế bảo vệ môi trường (BVMT)

3.3.1. Phân bổ nghĩa vụ thuế

- Trường hợp được phân bổ nghĩa vụ thuế: xăng dầu.
- Phương pháp phân bổ thuế BVMT phải nộp đối với xăng dầu:
 - + Số thuế BVMT phải nộp cho từng tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc bằng (=) tổng số thuế BVMT phải nộp phân bổ cho từng tỉnh của các mặt hàng xăng dầu.
 - + Số thuế BVMT phải nộp phân bổ cho từng tỉnh theo từng mặt hàng xăng dầu = số thuế BVMT phải nộp của từng mặt hàng xăng dầu trên tờ khai thuế nhân (x) với tỷ lệ (%) sản lượng của từng mặt hàng xăng dầu do đơn vị phụ thuộc bán ra thuộc đối tượng phải kê khai, tính thuế BVMT trên tổng sản lượng của từng mặt hàng xăng dầu bán ra thuộc đối tượng phải kê khai, tính thuế BVMT của người nộp thuế.

3.3.2. Khai thuế, nộp thuế

Đối với xăng dầu: đơn vị phụ thuộc của thương nhân đầu mối hoặc đơn vị phụ thuộc của công ty con của thương nhân đầu mối có kinh doanh tại địa bàn cấp tỉnh khác với nơi thương nhân đầu mối, công ty con của thương nhân đầu mối đóng trụ sở mà không hạch toán kế toán để khai riêng thuế BVMT thì thương nhân đầu mối, công ty con của thương nhân đầu mối thực hiện khai thuế BVMT và nộp hồ sơ khai thuế theo Mẫu số 01/TBVMT; phải nộp cho các địa phương nơi được hưởng nguồn thu đối với xăng dầu theo Mẫu số 01-2/TBVMT cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp và nộp số tiền thuế phân bổ cho tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc đóng trụ sở.

3.4. Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

3.4.1. Phân bổ nghĩa vụ thuế

a) Các hoạt động được phân bổ nghĩa vụ thuế: hoạt động kinh doanh xổ số điện toán; hoạt động chuyển nhượng bất động sản; đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất.

b) Phương pháp phân bổ:

- Phân bổ thuế TNDN phải nộp đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán, là số thuế TNDN phải nộp cho từng tỉnh nơi có hoạt động kinh doanh xổ số điện toán bằng (=) số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số điện toán nhân (x) với tỷ lệ (%) doanh thu bán vé thực tế từ hoạt động kinh doanh xổ số điện toán tại từng tỉnh trên tổng doanh thu bán vé thực tế của người nộp thuế.

- Phân bổ thuế TNDN phải nộp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, là số thuế TNDN phải nộp cho từng tỉnh nơi có hoạt động chuyển nhượng bất động sản tạm nộp hàng quý và quyết toán bằng (=) doanh thu tính thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại từng tỉnh nhân (x) với 1%.

- Phân bổ thuế TNDN phải nộp đối với người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất:

- + Số thuế TNDN phải nộp tại từng tỉnh nơi có cơ sở sản xuất bằng (=) số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất, kinh doanh nhân (x) với tỷ lệ (%)

chi phí của từng cơ sở sản xuất trên tổng chi phí của người nộp thuế (không bao gồm chi phí của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN). Chi phí để xác định tỷ lệ phân bổ là chi phí thực tế phát sinh của kỳ tính thuế.

+ Số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất, kinh doanh không bao gồm số thuế TNDN phải nộp cho hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN. Số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi được xác định theo kết quả sản xuất kinh doanh của hoạt động được hưởng ưu đãi và mức ưu đãi được hưởng.

3.4.2. Khai thuế, quyết toán thuế, nộp thuế

- Đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán:

+ Khai thuế, tạm nộp thuế hàng quý: người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế quý nhưng phải xác định số thuế tạm nộp hàng quý theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP để nộp tiền thuế TNDN vào NSNN cho từng tỉnh nơi có hoạt động kinh doanh xổ số điện toán.

+ Quyết toán thuế: người nộp thuế khai quyết toán thuế TNDN đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh xổ số điện toán theo Mẫu số 03/TNDN, nộp Phụ lục bảng phân bổ số thuế TNDN phải nộp cho các địa phương nơi được hưởng nguồn thu đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán theo Mẫu số 03-8C/TNDN cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp và nộp số tiền thuế phân bổ cho từng tỉnh nơi có hoạt động kinh doanh xổ số điện toán theo quy định.

+ Trường hợp số thuế đã tạm nộp theo quý nhỏ hơn số thuế phải nộp phân bổ cho từng tỉnh theo quyết toán thuế thì người nộp thuế phải nộp số thuế còn thiếu cho từng tỉnh. Trường hợp số thuế đã tạm nộp theo quý lớn hơn số thuế phải nộp phân bổ cho từng tỉnh thì được xác định là số thuế nộp thừa và xử lý theo quy định tại Điều 60 Luật Quản lý thuế và Điều 25 Thông tư này.

- Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản:

+ Khai thuế, tạm nộp thuế hàng quý: người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế quý nhưng phải xác định số thuế tạm nộp hàng quý, để nộp tiền thuế TNDN vào NSNN cho từng tỉnh nơi có hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

+ Quyết toán thuế: người nộp thuế khai quyết toán thuế TNDN đối với toàn bộ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo Mẫu số 03/TNDN, xác định số thuế TNDN phải nộp cho từng tỉnh; lập bảng phân bổ số thuế TNDN phải nộp cho các địa phương nơi được hưởng nguồn thu đối với hoạt động chuyển nhượng bất động theo Mẫu số 03-8A/TNDN cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp và nộp tiền vào NSNN cho từng tỉnh nơi có hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

+ Số thuế đã tạm nộp trong năm tại các tỉnh (không bao gồm số thuế đã tạm nộp cho doanh thu thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng hoặc cho thuê mua, có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ mà doanh thu này chưa được tính vào doanh thu tính thuế TNDN trong năm) được trừ vào với số thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản của từng tỉnh trên Mẫu số 03-8A/TNDN, nếu chưa trừ hết thì tiếp tục trừ vào số thuế

TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quyết toán tại trụ sở chính trên Mẫu số 03/TNDN.

+ Trường hợp số thuế đã tạm nộp theo quý nhỏ hơn số thuế phải nộp theo quyết toán thuế trên tờ khai quyết toán tại trụ sở chính trên Mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư này thì người nộp thuế phải nộp số thuế còn thiếu cho địa phương nơi đóng trụ sở chính. Trường hợp số thuế đã tạm nộp theo quý lớn hơn số thuế phải nộp theo quyết toán thuế thì được xác định là số thuế nộp thừa và xử lý theo quy định tại Điều 60 Luật Quản lý thuế và Điều 25 Thông tư này.

- Đối với đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất:

+ Khai thuế, tạm nộp thuế hàng quý: người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế quý nhưng phải xác định số thuế tạm nộp hàng quý, để nộp tiền thuế TNDN tại từng tỉnh nơi có cơ sở sản xuất, bao gồm cả nơi có đơn vị được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

+ Quyết toán thuế: người nộp thuế khai quyết toán thuế TNDN đối với toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh theo Mẫu số 03/TNDN, nộp bảng phân bổ số thuế TNDN phải nộp cho các địa phương nơi được hưởng nguồn thu đối với cơ sở sản xuất theo Mẫu số 03-8/TNDN cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp và nộp số tiền thuế phân bổ cho từng tỉnh nơi có cơ sở sản xuất theo quy định.

+ Riêng hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN thì người nộp thuế khai quyết toán thuế theo Mẫu số 03/TNDN tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp, xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo Mẫu số 03-3A/TNDN, Mẫu số 03-3B/TNDN, Mẫu số 03-3C/TNDN, Mẫu số 03-3D/TNDN và nộp tại cơ quan thuế nơi có đơn vị được hưởng ưu đãi khác tỉnh và cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

+ Trường hợp số thuế đã tạm nộp theo quý nhỏ hơn số thuế phải nộp phân bổ cho từng tỉnh theo quyết toán thuế thì người nộp thuế phải nộp số thuế còn thiếu cho từng tỉnh. Trường hợp số thuế đã tạm nộp theo quý lớn hơn số thuế phân bổ cho từng tỉnh thì được xác định là số thuế nộp thừa và xử lý theo quy định tại Điều 60 Luật Quản lý thuế và Điều 25 Thông tư này.

- Đối với các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty có đơn vị thành viên nếu đã hạch toán được doanh thu, chi phí, thu nhập chịu thuế thì đơn vị thành viên phải kê khai nộp thuế TNDN với cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị thành viên.

- Trường hợp đơn vị thành viên có hoạt động kinh doanh khác với hoạt động kinh doanh chung của tập đoàn, tổng công ty và hạch toán riêng được thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác đó thì đơn vị thành viên khai thuế TNDN với cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị thành viên.

3.5. Khai thuế, tính thuế, phân bổ, quyết toán thuế và nộp lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ

3.5.1. Phân bổ nghĩa vụ thuế

- Trường hợp được phân bổ nghĩa vụ thuế: hoạt động kinh doanh xổ số điện toán.

- Phương pháp phân bổ: số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp cho từng tỉnh nơi có hoạt động kinh doanh xổ số điện toán bằng (=) số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số điện toán nhân (x) với tỷ lệ (%) doanh thu bán vé thực tế từ hoạt động kinh doanh xổ số điện toán tại từng tỉnh trên tổng doanh thu bán vé thực tế của người nộp thuế.

3.5.2. Khai thuế, nộp thuế

- Khai, tạm nộp hàng quý: người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế quý nhưng phải xác định số thuế tạm nộp hàng quý theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP để nộp tiền lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của hoạt động kinh doanh xổ số điện toán tại từng tỉnh nơi có hoạt động kinh doanh xổ số điện toán.

- Quyết toán thuế:

+ Người nộp thuế khai quyết toán khoản lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của hoạt động kinh doanh xổ số điện toán trên toàn quốc và nộp hồ sơ khai theo Mẫu số 01/QT-LNCL, Phụ lục bảng phân bổ số lợi nhuận còn lại phải nộp cho các địa phương được hưởng nguồn thu đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán theo Mẫu số 01-1/QT-LNCL cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp; nộp số tiền phân bổ cho từng tỉnh nơi có hoạt động kinh doanh xổ số điện toán theo quy định.

+ Trường hợp số đã tạm nộp theo quý nhỏ hơn số phải nộp phân bổ cho từng tỉnh theo quyết toán thuế thì người nộp thuế phải nộp số tiền còn thiếu cho từng tỉnh. Trường hợp số đã tạm nộp theo quý lớn hơn số phân bổ cho từng tỉnh thì được xác định là số nộp thừa và xử lý theo quy định tại Điều 60 Luật Quản lý thuế và Điều 25 Thông tư này.

3.6. Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)

3.6.1. Phân bổ nghĩa vụ thuế

- Các trường hợp được phân bổ nghĩa vụ thuế:

+ Khấu trừ thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công được trả tại trụ sở chính cho người lao động làm việc tại đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh tại tỉnh khác.

+ Khấu trừ thuế TNCN đối với thu nhập từ trúng thưởng của cá nhân trúng thưởng xổ số điện toán.

- Phương pháp phân bổ:

+ Phân bổ thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công: người nộp thuế xác định riêng số thuế TNCN phải nộp đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân làm việc tại từng tỉnh theo số thuế thực tế đã khấu trừ của

từng cá nhân. Trường hợp người lao động được điều chuyển, luân chuyển, biệt phái thì căn cứ thời điểm trả thu nhập, người lao động đang làm việc tại tỉnh nào thì số thuế TNCN khấu trừ phát sinh được tính cho tỉnh đó.

+ Phân bổ thuế TNCN đối với thu nhập từ trúng thưởng của cá nhân trúng thưởng xổ số điện toán: người nộp thuế xác định riêng số thuế TNCN phải nộp đối với thu nhập từ trúng thưởng của cá nhân trúng thưởng xổ số điện toán tại từng tỉnh nơi cá nhân đăng ký tham gia dự thưởng đối với phương thức phân phối thông qua phương tiện điện thoại hoặc internet và nơi phát hành vé xổ số điện toán đối với phương thức phân phối thông qua thiết bị đầu cuối theo số thuế thực tế đã khấu trừ của từng cá nhân.

3.6.2. Khai thuế, nộp thuế

- Thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công:

+ Người nộp thuế chi trả tiền lương, tiền công cho người lao động làm việc tại đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh tại tỉnh khác với nơi có trụ sở chính, thực hiện khấu trừ thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công theo quy định và nộp hồ sơ khai thuế theo Mẫu số 05/KK-TNCN, lập bảng xác định số thuế TNCN phải nộp cho các địa phương được hưởng nguồn thu theo Mẫu số 05-1/PBT-KK-TNCN cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp và nộp số thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công vào NSNN cho từng tỉnh nơi người lao động làm việc theo quy định. Số thuế TNCN xác định cho từng tỉnh theo tháng hoặc quý tương ứng với kỳ khai thuế TNCN và không xác định lại khi quyết toán thuế TNCN.

+ Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công thuộc diện trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế bao gồm: cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công được trả từ nước ngoài; cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh tại Việt Nam nhưng được trả từ nước ngoài; cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam chi trả nhưng chưa khấu trừ thuế; cá nhân nhận cổ phiếu thưởng từ đơn vị chi trả.

- Thuế TNCN đối với thu nhập từ trúng thưởng của cá nhân trúng thưởng xổ số điện toán: người nộp thuế là tổ chức trả thu nhập khấu trừ thuế TNCN đối với thu nhập từ trúng thưởng xổ số điện toán của cá nhân thực hiện khai thuế TNCN theo quy định, nộp hồ sơ khai thuế theo Mẫu số 06/TNCN phải nộp cho các địa phương được hưởng nguồn thu theo Mẫu số 05-1/PBT-KK-TNCN cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp; nộp số thuế TNCN đối với thu nhập từ trúng thưởng vào NSNN cho từng tỉnh nơi cá nhân đăng ký tham gia dự thưởng đối với phương thức phân phối thông qua phương tiện điện thoại hoặc internet và nơi phát hành vé xổ số điện toán đối với phương thức phân phối thông qua thiết bị đầu cuối.

4. Hoàn thuế

- Trường hợp hoàn thuế theo quy định của pháp luật thuế: hoàn thuế GTGT theo quy định của pháp luật thuế GTGT, hoàn thuế TTĐB theo quy định của pháp

luật thuế TTĐB đối với xăng sinh học, hoàn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và Điều ước quốc tế khác mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; và hoàn nộp thừa.

- Người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế bằng hình thức điện tử hoặc hồ sơ giấy qua đường bưu chính/trực tiếp tại cơ quan thuế quản lý.

Về hồ sơ hoàn thuế thì so với quy định cũ, Thông tư này bổ sung nhiều hồ sơ, tài liệu, cũng như xử lý trong một số trường hợp sau hoàn thuế (chi tiết được quy định tại Điều 28, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Thông tư này). Số thuế còn được hoàn tại trụ sở chính được bù trừ với số tiền thuế nợ của đơn vị phụ thuộc và ngược lại. Trong quá trình kiểm tra hồ sơ hoàn thuế đối với trường hợp kiểm trước hoàn sau, nếu cơ quan thuế xác định số thuế đủ điều kiện được hoàn thì giải quyết hoàn trả số thuế đủ điều kiện hoàn cho người nộp thuế, không chờ kiểm tra xác minh toàn bộ hồ sơ hoàn thuế; đối với số thuế cần xác minh hoặc yêu cầu giải trình, bổ sung hồ sơ thì cơ quan thuế xử lý hoàn thuế khi có đủ điều kiện theo quy định.

5. Quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác của nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam

- Đối tượng liên quan trong việc quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác của nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam gồm: nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác với tổ chức, cá nhân ở Việt Nam.

- Tổ chức, đại lý thuế hoạt động theo pháp luật Việt Nam được nhà cung cấp ở nước ngoài ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam và ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác của nhà cung cấp ở nước ngoài.

- Nhà cung cấp ở nước ngoài (NCCNN) thực hiện đăng ký thuế lần đầu và giao dịch thuế điện tử thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau: có khả năng truy cập và sử dụng mạng Internet; có địa chỉ thư điện tử để giao dịch với cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

+ NCCNN thực hiện kê khai thuế trực tiếp trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, sử dụng mã xác thực giao dịch điện tử do cơ quan thuế quản lý cấp, đồng thời gửi hồ sơ khai thuế điện tử cho cơ quan thuế quản lý. NCCNN kê khai và nộp thuế GTGT/thuế TNDN theo quý theo phương pháp tỷ lệ tính trên doanh thu mà NCCNN nhận được.

+ Sau khi nhận được mã định danh khoản phải nộp NSNN do cơ quan thuế quản lý thông báo, NCCNN thực hiện nộp thuế bằng đồng ngoại tệ tự do chuyển

đổi vào tài khoản thu NSNN theo thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ NCCNN được phép ủy quyền cho tổ chức, đại lý thuế hoạt động theo pháp luật Việt Nam thực hiện các thủ tục về thuế (đăng ký, kê khai và nộp thuế) theo hợp đồng ủy quyền được ký giữa 2 bên; NCCNN phải thông báo cho cơ quan thuế quản lý. Tổ chức, đại lý thuế được ủy quyền có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời theo yêu cầu của cơ quan thuế các tài liệu, chứng từ để chứng minh tính chính xác của việc khai thuế, nộp thuế, đề nghị số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm (nếu có).

Việc kê khai, khấu trừ, nộp thay và theo dõi số tiền chuyển cho các nhà cung cấp ở nước ngoài của ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được thực hiện từ khi Tổng cục Thuế thông báo cho Hội sở chính của ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. Quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác của nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam được quy định chi tiết tại Chương IX (từ Điều 73 đến Điều 81 Thông tư này).

6. Về hiệu lực thi hành

Điều 87 Thông tư số 80/2021/TT-BTC quy định:

- Thông tư này có hiệu lực thi hành từ 01/01/2022. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế quy định tại Thông tư này được áp dụng đối với các kỳ tính thuế bắt đầu từ ngày 01/01/2022 trở đi.

Lưu ý: Đối với khai quyết toán thuế của kỳ tính thuế năm 2021 cũng được áp dụng theo mẫu biểu hồ sơ quy định tại Thông tư này.

- Bãi bỏ một số Thông tư (TT): TT số 156/2013/TT-BTC, TT số 99/2016/TT-BTC, TT số 31/2017/TT-BTC, TT số 208/2015/TT-BTC, TT số 71/2010/TT-BTC, TT số 06/2017/TT-BTC, TT số 79/2017/TT-BTC.

- Bãi bỏ một số điều của các Thông tư như Điều 1 Thông tư số 119/2014/TT-BTC về cải cách, đơn giản thủ tục hành chính về thuế; Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21 Thông tư số 151/2014/TT-BTC về quản lý thuế; Điều 2 Thông tư số 26/2015/TT-BTC về quản lý thuế; Điều 17, khoản 3 Điều 18 Thông tư số 84/2016/TT-BTC về xử lý sai sót, tra soát, điều chỉnh thông tin thu nộp thuế và xác nhận số thuế đã nộp NSNN; Điều 3 Thông tư số 130/2016/TT-BTC về tiền chậm nộp tiền thuế; ...

7. Quy định chuyển tiếp

- Quyết định gia hạn nộp thuế, Quyết định nộp dần tiền thuế nợ, Thông báo chấp nhận không tính tiền chậm nộp đã ban hành trước ngày Thông tư số 80/2021/TT-BTC có hiệu lực được thực hiện đến hết thời gian ghi trên Quyết định, Thông báo.

- Các khoản nộp thừa của người nộp thuế theo quy định tại Điều 26 Thông tư này (bao gồm cả các khoản phát sinh trước thời điểm Thông tư có hiệu lực), cơ quan thuế thực hiện các thủ tục xử lý không hoàn trả số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo quy định tại Điều 26 Thông tư này.

- Đối với cá nhân nộp hồ sơ khai thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản thì thời hạn nộp hồ sơ khai thuế tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 11 Điều 2 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ và khoản 5 Điều 21 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính.

- Đối với người nộp thuế kinh doanh dịch vụ viễn thông có chi nhánh hạch toán phụ thuộc ở tỉnh khác với nơi đóng trụ sở chính cùng tham gia kinh doanh dịch vụ viễn thông cước trả sau theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính thì người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế theo Mẫu số 01/GTGT, Phụ lục bảng phân bổ thuế GTGT phải nộp cho địa phương nơi được hưởng nguồn thu theo Mẫu số 01-6/GTGT ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư này cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

Đề nghị người nộp thuế nghiên cứu chi tiết nội dung quy định của Thông tư này được đăng tải trên website của Cục Thuế tỉnh An Giang (<http://angiang.gdt.gov.vn>) và gửi qua địa chỉ email của người nộp thuế.

Cục Thuế thông báo đến người nộp thuế trên địa bàn tỉnh An Giang được biết và thực hiện đúng pháp luật về thuế. Trường hợp có vướng mắc, người nộp thuế liên hệ Cục Thuế (Phòng Tuyên truyền – Hỗ trợ người nộp thuế) qua số điện thoại: 02963.841.623 hoặc email: hotrothueangiang@gmail.com để được hướng dẫn và giải đáp cụ thể. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh An Giang (để báo cáo);
- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- Tổng cục Thuế (Vụ TT-HT);
- Hiệp hội DN tỉnh An Giang (để phối hợp);
- Báo An Giang;
- Đài Phát thanh – Truyền hình An Giang;
- Cổng thông tin điện tử AG;
- BLĐ Cục Thuế;
- Các phòng thuộc Cục Thuế;
- CCT thành phố, khu vực;
- Website: <http://angiang.gdt.gov.vn>;
- Lưu: VT, TTHT (28b + 720b-email).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Phạm Văn Dũng